TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LA GI** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày: 05/4/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Đức – Ông Nguyễn Thanh Hoàng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Chí Công – Thư ký của Toà án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Nhật H** (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1989 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 00/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Nhật P, sinh năm 1949 và bà: Phạm Thị M, sinh năm 1956;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: - Ngày 29/11/2013, Phạm Nhật H bị Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" theo Bản án số 88/2013/HSST, đến ngày 18/7/2014 chấp hành xong hình phạt tù (giấy chứng nhận số 540/GCN-CHXHPT).

- Ngày 20/5/2015, Phạm Nhật H bị Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 28/2015/HSST, đến ngày 12/6/2016 chấp hành xong hình phạt tù (giấy chứng nhận số 502/GCN).

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 22/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L. (Có mặt)

2. **Trần Ngọc H** (tên gọi khác: Bảy T, Bảy R), sinh năm 1984 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn B 3, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Sửa xe máy; Trình độ học vấn: 10/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Hữu V, sinh năm 1948 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1950;

Vợ: Chưa có; Có 02 người con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017, con chung với bà Trương Thị M, sinh năm 1990).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/6/2005, Trần Ngọc H bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 107/2005/HSST. Ngày 03/10/2005, Trần Ngọc H đã thi hành xong tiền án phí và tiền xung công, đến ngày 17/4/2009 chấp hành xong hình phạt tù, vì vậy, đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2017 đến ngày 12/02/2017, hiện đang tại ngoại (Có mặt)

*** *Bị hại***: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1992 (vắng mặt).

HKTT: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo như lời trình bày của anh T thể hiện thì vào khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 22/01/2017 anh dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn: Vàng – Bạc – Đen, biển số 86B6 – 065.xx, số máy: F27E – 1242622, số khung: 2706BY647964 trước sân nhà bà Lê Thị C thuộc đường Huỳnh Thúc K, khu phố 5, phường B, thị xã L. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, anh nghe tiếng máy nổ nên đi ra xem thì thấy 01 thanh niên lái xe mô tô của anh chạy về hướng nhà thờ T rồi đi mất. Sau khi mất xe anh đến công an trình báo.

Quá trình điều tra, đội cảnh sát hình sự - Công an thị xã L phát hiện anh Nguyễn Văn S đang sử dụng và để tại nhà thuộc khu phố 5, phường T, thị xã L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, gắn bửng màu Đen – Bạc, biển số 72G1 – 289.xx, số máy: F27E – 1242622, số khung: 2706BY647964. Do xe mô tô trên có số khung và số máy trùng với xe mô tô anh T bị mất nên công an tiến hành tạm giữ để điều tra theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 02/02/2017.

- Theo như lời trình bày của anh S thể hiện thì vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 01/02/2017 anh chơi bắn cá tại tiệm net 108 thuộc thôn B 3, xã T, thị xã L, do bị thua hết tiền nên cầm chiếc xe máy của anh cho bị cáo Trần Ngọc H (Bảy T) nhưng sợ không có xe về bị vợ la nên mới mượn của bị cáo H một chiếc xe để đi về thì bị cáo H đưa cho anh chiếc xe mô tô nêu trên.

- Theo như lời trình bày của bị cáo H thì xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, gắn bửng màu Đen – Bạc, biển số 72G1 – 289.xx, số máy: F27E – 1242622, số khung: 2706BY647964 là của bị cáo, nguồn gốc xe mô tô trên là bị cáo mua của bị cáo Phạm Nhật H (Đ) với giá 2.500.000 đồng vào khoảng ngày 22/01/2017. Khi mua bị cáo có hỏi bị cáo H giấy tờ xe thì bị cáo H nói là xe không có giấy tờ, xe là do bị cáo H trộm được nhưng vì ham rẻ nên bị cáo mua. Sau khi mua, bị cáo thay đổi kiểu dáng xe bên ngoài, thay đổi màu sơn xe thành màu đen, thay biển số 72G1 – 289.23 và vứt biển số 86B6 – 065.51 vào sọt rác. Đến ngày 01/02/2017 thì cho anh S mượn chiếc xe mô tô trên.

- Theo như lời trình bày của bị cáo H thì vào một buổi tối gần tết âm lịch năm 2017 (cách khoảng 4 – 5 ngày), bị cáo đi bộ vào đường Huỳnh Thúc K thuộc khu phố 5, phường B, thị xã L phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu vàng đồng đang dựng trước sân, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó, bị cáo đi vào tiếp cận xe, dùng kéo mang theo phá khóa và dắt xe ra ngoài rồi lên xe nổ máy chạy đi. Sau khi lấy được xe, bị cáo chạy đến tiệm net 108 tìm gặp bị cáo H để bán xe nhưng không gặp, bị cáo mới dùng điện thoại gọi cho bị cáo H nói về việc bán xe thì bị cáo H nói để bị cáo H chạy lên xem xe. Khi mua bán xe, bị cáo H có hỏi bị cáo về giấy tờ xe, nguồn gốc xe ở đâu thì bị cáo nói là xe không có giấy tờ, nguồn gốc là do bị cáo trộm được ở xa nhưng bị cáo H vẫn đồng ý mua với giá là 2.500.000 đồng, sau khi nhận được tiền bị cáo đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-ĐGTS ngày 10/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi thể hiện: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn: Vàng – Bạc – Đen, biển số xe giả 72G1 – 289.xx, số máy: F27E – 1242622, số khung: 2706BY647964, tổng giá trị tài sản định giá là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Là xe mô tô nêu trên, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 15/01/2018; Đối với 01 biển số xe 72G1 – 289.xx Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi theo biên bản giao nhận ngày 12/02/2018; Đối với 01 biển số xe

86B6 – 065.xx, bình xịt sơn màu đen và 01 cái kéo bị cáo H dùng để cậy khóa Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của các bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi giữ quyền công tố kết luận:

Vì cần tiền để mua ma túy sử dụng nên và khoảng 20 giờ ngày 21/01/2017, bị cáo Phạm Nhật H lén lút dùng 01 cái kéo cạy khóa lấy trộm xe mô tô của anh Nguyễn Văn T đang dựng ở trước sân nhà bà Lê Thị C thuộc đường Huỳnh Thúc K, khu phố 5, phường B, thị xã L, sau đó chạy xe về bán cho bị cáo Trần Ngọc H. Mặc dù được bị cáo H cho biết tài sản trên là do trộm cắp mà có nhưng bị cáo H vẫn đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng rồi đem về sơn lại đồng thời lấy biển số khác lắp vào để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Theo kết luận định giá thì tài sản bị cáo H chiếm đoạt có giá trị 20.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", hơn nữa bị cáo H có 01 tiền án về tội "Chống người thi hành công vụ" và 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên hành vi lần này của bị cáo H thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi truy tố bị cáo Phạm Nhật H, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và bị cáo Trần Ngọc H về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nhật H, phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Trần Ngọc H, phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật H, mức án từ: 03 năm đến 03 năm 06 tháng.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H, mức án từ: 09 tháng đến 12 tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 41 và Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Phạm Nhật H nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 72G1 – 289.xx là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã La Gi và Chi cục thi hành án thị xã La Gi).

- **Ý kiến của bị cáo Phạm Nhật H**: Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bị cáo Trần Ngọc H**: Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

*** Bị cáo Phạm Nhật H nói lời sau cùng**: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** Bị cáo Trần Ngọc H nói lời sau cùng**: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã La Gi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S.

Ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và được chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của họ trong phần tranh tụng tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy, lời khai của các bị cáo Phạm Nhật H và Trần Ngọc H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng hơn 20 giờ ngày 21/01/2017, tại trước sân nhà bà Lê Thị C thuộc đường Huỳnh Thúc K, khu phố 5, phường B, thị xã L, lợi dụng lúc không ai để ý, bị cáo H đã có hành vi lén lút dùng kéo phá khóa và chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn: Vàng – Bạc – Đen, biển số 86B6 – 065.xx, số máy: F27E – 1242622, số khung: 2706BY647964 của anh Nguyễn Văn T. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô trên, bị cáo H đã bán cho bị cáo H với giá 2.500.000 đồng. Mặc dù được bị cáo H cho biết tài sản trên là do trộm cắp mà có nhưng bị cáo H vẫn đồng ý mua rồi đem về sơn lại đồng thời lấy biển số 72G1 – 289.xx lắp vào để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Giá trị của chiếc xe mô tô trên được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi xác định là 20.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c) Tái phạm nguy hiểm;"

Như vậy, việc bị cáo H có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô có giá trị là 20.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do bị cáo H có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, vì vậy lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì "*1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

d) Thu lợi bất chính lớn;"

Như vậy, việc bị cáo H và bị cáo H không hứa hẹn từ trước nhưng khi các bị cáo thỏa thuận mua bán xe thì bị cáo H nói cho bị cáo H biết tài sản trên là do trộm cắp mà có nhưng bị cáo H vẫn đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng rồi đem về sơn lại đồng thời lấy biển số 72G1 – 289.xx lắp vào để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Giá trị của chiếc xe mô tô trên được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi xác định là 20.000.000 đồng nhưng bị cáo H mua chiếc xe mô tô trên với giá 2.500.000 đồng, đã thu lợi bất chính với số tiền 17.500.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo H đã quy phạm vào điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì "*Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và* ***các quy định khác có lợi cho người phạm tội*** *thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện,* ***đang*** *bị điều tra, truy tố,* ***xét xử*** *hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích;*", vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định có lợi cho bị cáo H được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là "Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng". Do đó, không áp dụng điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H mà chỉ áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi truy tố đối với các bị cáo Phạm Nhật H và Trần Ngọc H về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

- Bị cáo Phạm Nhật H đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, như vậy hành vi phạm tội của bị cáo H là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương.

- Bị cáo Trần Ngọc H biết được tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có nhưng vì lợi nhuận mà mua lại với giá rẻ hơn rất nhiều so với giá trị tài sản, như vậy hành vi phạm tội của bị cáo H là cố ý và đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Cho nên hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo H là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn; Bị cáo H là lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo là lao động chính, điều kiện kinh tế khó khăn, con còn nhỏ. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo H tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo H là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này", tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo H tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo H là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 biển số xe 72G1 – 289.xx là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành cần tích thu tiêu hủy; Đối với số tiền 2.500.000 đồng là tiền bị cáo H bán xe cho bị cáo H mà có, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo Phạm Nhật H và Trần Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điểm c Khoản 2 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nhật H (Đ), **phạm tội "Trộm cắp tài sản" và Bị cáo Trần Ngọc H** (Bảy T, Bảy R), **phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".**

a. Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Nhật H **03** (ba) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (**22/12/2017**).

b. Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc H **09** (chín) tháng tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/02/2017 đến ngày 12/02/2017 (09 ngày), thời hạn bị cáo H còn phải chấp hành hình phạt tù là **08** (tám) tháng **21** (hai mốt) ngày; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Phạm Nhật H nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 72G1 – 289.xx là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã La Gi và Chi cục thi hành án thị xã La Gi).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Nhật H và Trần Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**05/4/2018**).

Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Công an thị xã La Gi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - AV;
- UBND nơi bị cáo cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

BÙI ĐĂNG